

UBND THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ
HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2962/GPMT-BQL

Hải Phòng, ngày 19 tháng 6 năm 2023

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ HẢI PHÒNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường 2020;

Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28/5/2022 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế;

Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 09/2018/QĐ-UBND ngày 05/01/2018 của Ủy ban nhân dân thành phố thành phố Hải Phòng ban hành Quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức Ban quản lý Khu kinh tế Hải Phòng;

Quyết định số 2469/QĐ-UBND ngày 01/8/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc ủy quyền cho Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng tổ chức, thực hiện thẩm định, phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; cấp, cấp đổi, điều chỉnh, cấp lại, thu hồi Giấy phép môi trường đối với các dự án đầu tư trong các khu công nghiệp, khu kinh tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

Xét Văn bản số 2323/CV-UT ngày 23/3/2023 của Công ty TNHH Vietnam United về đề nghị cấp giấy phép môi trường và hồ sơ kèm theo Văn bản số 245/CV-United ngày 24/5/2023 của Công ty TNHH Vietnam United về việc chỉnh sửa, bổ sung báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án “Dự án Vietnam United” tại Một phần nhà xưởng P-6, nhà xưởng P-7 và P-2.2, thuộc lô P (thuê lại của Công ty cổ phần Tường Viên Grandpark), Khu công nghiệp Tràng Duệ, thuộc Khu kinh tế Đình Vũ – Cát Hải, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Công ty TNHH Vietnam United, địa chỉ tại Nhà xưởng P-6, P-7 và P-2.2, thuộc lô P, khu công nghiệp Tràng Duệ thuộc khu kinh tế Đình Vũ-Cát Hải, xã An Hoà, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của “Dự án Vietnam United” tại Một phần nhà xưởng P-6, nhà xưởng P-7 và

P-2.2, thuộc lô P (thuê lại của Công ty cổ phần Tường Viên Grandpark), Khu công nghiệp Trảng Duệ, thuộc Khu kinh tế Đình Vũ – Cát Hải, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư/cơ sở:

1.1. Tên dự án đầu tư: “Dự án Vietnam United”.

1.2. Địa điểm hoạt động: Một phần nhà xưởng P-6, nhà xưởng P-7 và P-2.2, thuộc lô P (thuê lại của Công ty cổ phần Tường Viên Grandpark), Khu công nghiệp Trảng Duệ, thuộc Khu kinh tế Đình Vũ – Cát Hải, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH Vietnam United, mã số doanh nghiệp 0202046991 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 21/9/2020. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, mã số dự án: 7699422282 do Ban Quản lý khu kinh tế Hải Phòng chứng nhận lần đầu ngày 17/9/2020, chứng nhận thay đổi lần thứ 02 ngày 08/12/2021.

1.4. Mã số thuế: 0202046991.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất, gia công các sản phẩm: dụng cụ và đồ nghề lao động cầm tay, các sản phẩm nhựa cho tay cầm dụng cụ lao động, sản phẩm kim loại dùng trong dụng cụ lao động; lắp ráp dụng cụ quang học, đo lường chiều dài, kiểm tra độ chính xác; sản xuất thùng lọc cho máy hút bụi và thực hiện quyền xuất khẩu, nhập khẩu và phân phối bán buôn (không thành lập dự án bán buôn) các hàng hoá mà pháp luật Việt Nam cho phép.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư/cơ sở:

- Diện tích đất sử dụng: 48.234 m².

- Quy mô, công suất:

+ Dụng cụ và đồ nghề lao động cầm tay: 1.485 tấn/năm

+ Các sản phẩm nhựa cho tay cầm dụng cụ lao động: 850 tấn/năm

+ Sản phẩm kim loại dùng trong dụng cụ lao động: 1.100 tấn/năm

+ Dụng cụ quang học, đo lường chiều dài, kiểm tra độ chính xác: 9 tấn/năm

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải theo quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo

Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Vietnam United:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.
2. Công ty TNHH Vietnam United có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm

(từ ngày 19 tháng 6 năm 2023 đến ngày 19 tháng 6 năm 2033).

Điều 4. Giấy phép có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Giao Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án, cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật. /.

Nơi nhận:

- UBND TP (để b/c);
- Lãnh đạo Ban;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Các UBND: xã An Hoà, huyện An Dương;
- Công ty TNHH Vietnam United;
- Công ty Cổ phần KCN Sài Gòn-Hải Phòng;
- Các Phòng: QLTNMT, QHXD, QLĐT, HTGS, VPĐD;
- Công TTĐT BQLKKT;
- Lưu: VT.

**KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN**



Bùi Ngọc Hải

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số ~~2962~~.../GPMT-BQL ngày ~~19~~ tháng ~~6~~ năm 2023 của Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

- Không thuộc đối tượng phải cấp phép môi trường đối với nước thải theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 (do nước thải sau xử lý sơ bộ sẽ được đầu vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Trảng Dục, không xả ra môi trường).

- Công ty đã ký hợp đồng thuê nhà xưởng số 03/HĐNX-TV/2020 ngày 25/10/2020 với Công ty Cổ phần Tường Viên Grand Park.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nước thải từ khu nhà vệ sinh, nước rửa tay chân được thu gom và xử lý sơ bộ qua hệ thống bể tự hoại. Toàn bộ nước thải sau đó được thu gom về hố ga cuối của từng khu vực nhà xưởng (03 điểm xả tương ứng với 03 nhà xưởng) trước khi đầu nối với hệ thống dẫn nước thải và trạm xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Trảng Dục.

- Nước thải sản xuất phát sinh từ quá trình làm mát cho khuôn ép nhựa (nhà xưởng P-7), làm mát khuôn của quá trình đúc ép kim loại (nhà xưởng P-2.2), làm mát khuôn của quá trình gia công nguội (nhà xưởng P-6) được đưa đến tháp giải nhiệt để giải nhiệt rồi được tuần hoàn tái sử dụng, định kỳ thay thế 01 lần/năm. Nước sau khi thay thế được dẫn hố ga cuối của từng khu vực nhà xưởng, sau đó đầu nối với hệ thống dẫn nước thải và trạm xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Trảng Dục.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

1.2.1. Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt:

- Tóm tắt quy trình công nghệ của công trình, thiết bị xử lý nước thải sinh hoạt:

- Tại nhà xưởng P-2.2:

+ Nước thải khu vệ sinh xưởng P-2.2 → bể tự hoại xưởng P-2.2 → hố ga cuối của nhà xưởng P-2.2 → Trạm xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Trảng Dục.

+ Nước rửa tay chân xưởng P-2.2 → hố ga cuối của nhà xưởng xưởng P-2.2 → Trạm xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Trảng Duệ.

- Tại nhà xưởng P-7:

+ Nước thải khu vệ sinh xưởng P-7 → bể tự hoại xưởng P-7 → hố ga cuối của nhà xưởng xưởng P-7 → Trạm xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Trảng Duệ.

+ Nước rửa tay chân xưởng P-7 → hố ga cuối của nhà xưởng xưởng P-7 → Trạm xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Trảng Duệ.

- Tại nhà xưởng P-6:

+ Nước thải khu vệ sinh xưởng P-6 → bể tự hoại xưởng P-6 → hố ga cuối của nhà xưởng xưởng P-6 → Trạm xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Trảng Duệ.

+ Nước rửa tay chân xưởng P-6 → hố ga cuối của nhà xưởng xưởng P-6 → Trạm xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Trảng Duệ.

- Công suất thiết kế:

+ 10 bể tự hoại 3 ngăn: $10,8 \text{ m}^3/\text{bể}$, tổng dung tích 108 m^3 (trong đó có 03 bể tự hoại tại nhà xưởng P-2.2; 03 bể tự hoại thể tại nhà xưởng P-6; 04 bể tự hoại thể tại nhà xưởng P-7); 03 điểm xả nước thải.

1.2.2. Hệ thống xử lý nước thải sản xuất:

* Hệ thống thu gom và xử lý nước làm mát hệ thống máy ép phun tuần hoàn dây chuyền sản xuất chi tiết nhựa (nhà xưởng P-7):

- Số lượng và quy mô: 01 hệ thống tháp giải nhiệt Cooling Tower.

- Công suất: 1.975 lít/phút ;

- Quy trình: Tháp giải nhiệt được thiết kế luồng không khí theo hướng ngược với dòng nước. Sự tiếp xúc giữa không khí và nước sẽ làm giảm nhiệt độ của nước.

* Hệ thống thu gom và xử lý nước làm mát lò nung dây chuyền đột dập sản xuất chi tiết kim loại (nhà xưởng P-2.2).

- Số lượng và quy mô: 05 thiết bị Cooling Tower.

- Công suất: 04 thiết bị công suất 2 kW /thiết bị, 01 thiết bị công suất $1,5 \text{ kW}$;

- Quy trình: Tháp giải nhiệt được thiết kế luồng không khí theo hướng ngược với dòng nước. Sự tiếp xúc giữa không khí và nước sẽ làm giảm nhiệt độ của nước.



* Hệ thống thu gom và xử lý nước làm mát khuôn dây chuyền sản xuất cán dao (nhà xưởng P-6).

- Số lượng và quy mô: 01 hệ thống tháp giải nhiệt Cooling Tower.

- Công suất: 780 lít/phút;

- Quy trình: Tháp giải nhiệt được thiết kế luồng không khí theo hướng ngược với dòng nước. Sự tiếp xúc giữa không khí và nước sẽ làm giảm nhiệt độ của nước.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt theo quy định tại Khoản 2, Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Định kỳ nạo vét hệ thống đường rãnh thoát nước, hồ ga để tăng khả năng thoát nước và lắng loại bỏ các chất bẩn.

- Trang bị các phương tiện, thiết bị dự phòng cần thiết để ứng phó, khắc phục sự cố của hệ thống xử lý.

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ khu vực xử lý nước thải và hệ thống thoát nước.

- Đảm bảo vận hành hệ thống theo đúng quy trình vận hành đã xây dựng.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Không phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải sau khi được cấp giấy phép môi trường do Dự án đã hoàn thành việc vận hành thử nghiệm theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 42 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và đã được Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng ban hành Văn bản số 2090/BQL-TNMT ngày 30/6/2022 về thông báo kết quả kiểm tra việc vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải đối với “Dự án Vietnam United” (dự án mở rộng) – hạng mục/phân kỳ I (đã vận hành thử nghiệm đối với: mẫu nước thải tại hồ ga cuối cùng nhà xưởng P-2.2 trước khi đấu nối HTXLNT của KCN; mẫu nước thải tại hồ ga cuối cùng nhà xưởng P-7 trước khi đấu nối HTXLNT của KCN và mẫu nước thải tại hồ ga cuối cùng nhà xưởng P-6 trước khi đấu nối HTXLNT của KCN).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải của cơ sở, bảo đảm đáp ứng theo yêu cầu đấu nối, tiếp nhận nước thải của khu công nghiệp Trảng Duệ, không xả thải trực tiếp ra môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải của cơ sở.

3.3. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thực hiện đầu nối nước thải về hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Trảng Duệ để tiếp tục xử lý trước khi xả thải ra môi trường.

Phụ lục 2

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số .2962../GPMT-BQL ngày 19. tháng 6 năm 2023
của Ban Quản lý Khu Kinh tế Hải Phòng)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:

1. Nguồn phát sinh khí thải:

- + Nguồn số 01: Quá trình mài/đánh bóng tại xưởng P-6;
- + Nguồn số 02: Quá trình phun sơn tĩnh điện;
- + Nguồn số 03: Quá trình sơn lỏng;

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:

2.1. Vị trí xả khí thải:

- + Dòng khí thải số 01: Ống thoát khí tại hệ thống xử lý bụi quá trình mài/đánh bóng. Tọa độ: X(m): 2307771, Y(m): 583481;
- + Dòng khí thải số 02: Ống thoát khí tại hệ thống xử lý bụi quá trình phun sơn tĩnh điện. Tọa độ: X(m): 2307761, Y(m): 583484;
- + Dòng khí thải số 03: Ống thoát khí tại hệ thống xử lý bụi, khí thải quá trình phun sơn lỏng. Tọa độ: X(m): 2307562, Y(m): 583269.

(Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến $105^{\circ}45'$ múi chiều 3^0)

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất:

- + Dòng khí thải số 01: 8.000 m³/h;
- + Dòng khí thải số 02: 20.628 m³/h;
- + Dòng khí thải số 03: 10.000 m³/h;

2.2.1. Phương thức xả khí thải: Khí thải sau khi xử lý được xả ra môi trường qua ống thải.

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường khí thải sau xử lý đạt QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và một số chất vô cơ trước khi thải ra môi trường (Kp: hệ số lưu lượng nguồn thải, $K_p = 0,9$; Kv: hệ số vùng, $K_v = 1$) và QCVN 20:2009/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ, cụ thể như sau:

Stt	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép		Tần suất quan trắc định kỳ	Tần suất quan trắc tự động, liên tục (nếu có)
			QCVN 19:2009/ BTNMT	QCVN 20:2009/ BTNMT		
1	Lưu lượng	m^3/h	-	-	Không thuộc đối tượng phải quan trắc bụi, khí thải theo quy định tại Khoản 3, Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP	Không thuộc đối tượng phải quan trắc bụi, khí thải tự động, liên tục theo quy định tại Điều 98, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP
2	Bụi	mg/Nm^3	180	-		
3	Cyclohexanone	mg/Nm^3	-	400		
4	Butyl acetate	mg/Nm^3	-	950		
5	Xylen	mg/Nm^3	-	870		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải:

- + Bụi, khí thải phát sinh từ quá trình mài/đánh bóng
- + Bụi, khí thải phát sinh từ quá trình phun sơn tĩnh điện.
- + Bụi, khí thải phát sinh từ quá trình sơn lỏng.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải

Tóm tắt quy trình công nghệ của từng hệ thống xử lý:

- Hệ thống 1: Bụi, khí thải từ quá trình mài/đánh bóng → Ống dẫn → Lọc bụi ly tâm → Khí sạch → Ống thoát khí. Công suất: 8.000 m³/h.
- Hệ thống 2: Bụi sơn, bột sơn từ quá trình phun sơn tĩnh điện → quạt hút → filter lọc bụi → ống thoát khí. Công suất: 20.628 m³/h.
- Hệ thống 3: Bụi, khí thải từ quá trình sơn lỏng → Thiết bị tách bụi sơn bằng màng nước → Thiết bị xử lý khí thải bằng màng lọc cacbon và than hoạt tính → Quạt hút → Tháp hấp thụ sử dụng nước → Ống thoát khí. Công suất: 10.000 m³/h.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động được.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Định kỳ kiểm tra, theo dõi thiết bị bảo đảm hệ thống xử lý khí thải hoạt động ổn định.

- Đào tạo đội ngũ công nhân nắm vững quy trình vận hành và có khả năng sửa chữa, khắc phục khi sự cố xảy ra.

- Khi xảy ra sự cố, dừng hoạt động tại khu vực xảy ra sự cố, tìm nguyên nhân sửa chữa, khắc phục kịp thời. Trường hợp xảy ra sự cố, sửa chữa mất nhiều thời gian, phải dừng sản xuất cho tới khi khắc phục được sự cố, bảo đảm không được gây ô nhiễm môi trường không khí.

- Đối với sự cố lớn, thông báo cho cơ quan có chức năng về môi trường các sự cố để có biện pháp khắc phục kịp thời.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1 Thời gian vận hành thử nghiệm: Không quá 06 tháng kể từ thời điểm bắt đầu vận hành thử nghiệm.

2.2 Công trình, thiết bị xử lý khí thải vận hành thử nghiệm:

2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

01 vị trí tại hệ thống thu gom bụi, khí thải từ quá trình sơn lỏng, công suất 10.000m³/h. Tọa độ: X(m): 2307575, Y(m): 583269.

(Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến 105°45' múi chiều 3⁰)

2.2.2. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

Stt	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	
			QCVN 19:2009/ BTNMT	QCVN 20:2009/ BTNMT
1	Lưu lượng	m ³ /h	-	-
2	Bụi	mg/Nm ³	180	-
3	Cyclohexanone	mg/Nm ³	-	400
4	Butyl acetate	mg/Nm ³	-	950
5	Xylen	mg/Nm ³	-	870

2.3. Tần suất lấy mẫu:

Tần suất lấy mẫu đảm bảo ít nhất 3 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định các công trình xử lý chất thải theo quy định tại Khoản 5 Điều 21 Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường năm 2020

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án đầu tư, cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải.

3.3. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả bụi, khí thải ra môi trường không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này.



Phụ lục 3
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 2362.../GPMT-BQL ngày 19... tháng 6 năm 2023
của Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 1: Khu vực tháp giải nhiệt;
- Nguồn số 2: Khu vực máy nén khí;
- Nguồn số 3: Khu vực hệ thống xử lý bụi quá trình mài/đánh bóng;
- Nguồn số 4: Hệ thống xử lý bụi quá trình phun sơn tĩnh điện;
- Nguồn số 5: Hệ thống thu gom bụi và khí thải quá trình sơn lỏng;

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 1: Toạ độ:
 - + Khu vực tháp giải nhiệt nhà xưởng P-6: X(m): 2313002; Y(m): 591752;
 - + Khu vực tháp giải nhiệt nhà xưởng P-7: X(m): 2312995; Y(m): 591747;
 - + Khu vực tháp giải nhiệt nhà xưởng P-2.2: X(m): 2312961; Y(m): 594643;
- Nguồn số 2: Toạ độ: X(m): 2307666, Y(m): 583125
- Nguồn số 3: Toạ độ: X(m): 2307771, Y(m): 583481
- Nguồn số 4: Toạ độ: X(m): 2307761, Y(m): 583484
- Nguồn số 5: Toạ độ: X(m): 2307562 Y(m): 583269

(Hệ toạ độ VN 2000, kinh tuyến 105⁰45' múi chiều 3⁰)

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với tiếng ồn, độ rung theo QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNM: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường
QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn				

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

QCVN 27:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Lắp đặt các đệm chống rung bằng cao su tại chân máy móc, thiết bị.
- Tiến hành kiểm tra, bôi trơn và bảo dưỡng định kỳ máy móc, thiết bị.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ kiểm tra độ mài mòn của chi tiết động cơ, thay dầu bôi trơn

Phụ lục 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số .2962.../GPMT-BQL ngày .19... tháng 6... năm 2023
của Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

STT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại	Số lượng tại Dự án (kg/năm)	Mã CTNH
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	70	16 01 06
2	Pin/acquy thải	Rắn	20	16 01 12
3	Dầu bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	270	17 02 03
4	Giẻ lau, găng tay dính dầu	Rắn	150	18 02 01
5	Bao bì cứng thải bằng kim loại	Rắn	239,3	18 01 02
6	Bao bì cứng thải bằng nhựa	Rắn	15	18 01 03
7	Bao bì mềm thải	Rắn	3,95	18 01 01
8	Linh kiện lỗi hỏng lẫn thành phần nguy hại	Rắn	1	19 02 05
9	Khung in thải	Rắn	20	19 12 03
10	Nước thải nhiễm thành phần nguy hại	Lỏng	66.800	19 10 01
11	Cặn lắng từ quá trình rửa	Rắn	300	08 01 01
12	Cặn sơn thải	Rắn	8	08 01 01
13	Than hoạt tính thải	Rắn	3.500	12 01 04
Tổng			71.397,25	

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh bao gồm (túi nilong, dây đai buộc hàng, bavia nhựa,...): 122,68 tấn/năm.

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: khoảng 189,2 kg/ngày.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: bố trí thiết bị lưu chứa chất thải nguy hại đảm bảo đáp ứng quy định tại Khoản 5 Điều 35 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

2.1.2. Kho lưu chứa:

- Diện tích kho: 20m²

- Thiết kế, cấu tạo: Kho lưu giữ chất thải nguy hại (CTNH) có tường bao và mái che, nền chống thấm, chống tràn. Kho có lắp đặt biển cảnh báo theo tiêu chuẩn, có phân loại từng mã CTNH, có trang bị đầy đủ dụng cụ chứa CTNH được dán nhãn mã chất thải nguy hại, bố trí thiết bị phòng cháy chữa cháy, đáp ứng được yêu cầu kỹ thuật và quy trình quản lý theo quy định; đảm bảo các yêu cầu khác theo quy định tại Khoản 6 Điều 35 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: bố trí thiết bị lưu chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường đảm bảo an toàn, không bị hư hỏng, rách vỡ và đáp ứng các quy định tại Khoản 1 Điều 33 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

2.2.2. Kho lưu chứa:

- Diện tích kho: 01 kho, diện tích 120 m²;

- Thiết kế, cấu tạo: Kho lưu chứa chất thải công nghiệp thông thường có tường bao, mái che, nền bê tông hóa chống thấm, lắp đặt đầy đủ biển báo theo quy định và đảm bảo các yêu cầu khác theo quy định tại Điều 33 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.3.1. Thiết bị lưu chứa: 02 thùng chứa có nắp đậy (240 lít/thùng).

2.3.2. Khu vực lưu chứa:

- Diện tích kho: 01 kho chứa, diện tích 20m².

- Kho lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt có tường bao và mái che, nền bê tông hóa chống thấm. Kho có lắp đặt biển cảnh báo theo quy định.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.



Phụ lục 5
CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số ~~2962~~ ²⁹⁶²./GPMT-BQL ngày ~~19~~ ¹⁹ tháng 6 năm 2023
của Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng)

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020. Định kỳ chuyển giao chất thải rắn thông thường, chất thải y tế nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định; chịu trách nhiệm liên quan đến chất thải được chuyển giao.

2. Tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành về phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.

3. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

4. Đền bù, khắc phục sự cố môi trường nếu để xảy ra sự cố môi trường.

